

HIỆN TƯỢNG ĐÔ LA HÓA:

Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam

NGUYỄN ANH TUẤN^(*)

Đô la hóa là một hiện tượng kinh tế phát triển ngày càng mạnh, đặc biệt ở các quốc gia đang phát triển. Hiện tượng đô la hóa tồn tại do cả nguyên nhân bên trong của mỗi quốc gia và do cả quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế đưa lại. Đô la hóa có cả mặt lợi và mặt hại, nên mỗi quốc gia có đánh giá và đối sách khác nhau với hiện tượng này. Việt Nam là một quốc gia có tỷ lệ đô la hóa thực tế tương đối cao. Quan điểm nhất quán của Việt Nam là hạn chế, tiến tới xóa bỏ hiện tượng này, vì vậy, nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia khác là cần thiết.

I. Về hiện tượng đô la hóa

Đô la hóa là một hiện tượng không mới trong nền kinh tế thế giới, tuy nhiên nó mới chỉ phát triển mạnh trong vòng 2 thập kỷ gần đây, nhất là ở các quốc gia đang phát triển. Về mặt lý luận, tác động của đô la hóa đến các nền kinh tế, hiện nay vẫn là một vấn đề đang được tranh luận rất gay gắt: đô la hóa có lợi hay có hại vẫn là một câu hỏi chưa có câu trả lời rõ ràng. Tùy từng hoàn cảnh, điều kiện cụ thể và vị thế của từng quốc gia mà câu trả lời và chính sách đối với vấn đề này có thể khác nhau, thậm chí trái ngược nhau: có quốc gia ủng hộ, có quốc gia phản đối. Vấn đề là, nếu đô la hóa có hại đối với các nền kinh tế thì, giải pháp nào có thể giảm bớt và loại bỏ hiện tượng kinh tế này. Đây là một vấn đề không hề đơn giản, và cho đến nay vẫn là một chủ đề

lớn mà nhiều nhà nghiên cứu kinh tế tranh luận.

Ở Việt Nam trong những năm gần đây và đặc biệt từ đầu năm 2011, khi nền tảng kinh tế vĩ mô có nhiều bất ổn, tình trạng đô la hóa và những tác động bất lợi của nó đến nền kinh tế ngày càng rõ nét, thể hiện qua những cơn sốt vàng, ngoại tệ, tỷ giá của Việt Nam Đồng (VND) liên tục bị phá giá... Điều đó đòi hỏi Chính phủ Việt Nam cần có những biện pháp hạn chế hiện tượng này một cách quyết liệt và hiệu quả hơn.

1. Đô la hóa là gì?

Đô la hóa (tiếng Anh: dollarization), hiểu theo nghĩa thông thường nhất, là quá trình phổ biến việc sử dụng đồng đô

^(*) TS., Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

la (dollar) thay thế đồng tiền nội địa trong một nền kinh tế, đồng đô la ở đây thường được hiểu là đồng đô la Mỹ (US dollar - USD). Tuy nhiên, đô la hóa không có nghĩa chỉ là có “đô la” hóa, khái niệm này ngày nay được sử dụng để chỉ hiện tượng “ngoại tệ hóa” nói chung. Bởi vì, bên cạnh đồng USD, các đồng tiền mạnh khác như EUR của EU (tiền thân của nó là đồng Mark Đức, France Pháp...), JPY của Nhật, GBP của Anh cũng được sử dụng để thay thế các đồng tiền nội địa. Hơn thế nữa, ngay trong một nền kinh tế, bên cạnh đồng USD, còn có các ngoại tệ mạnh khác được sử dụng để thay thế vai trò của đồng nội tệ. Ví dụ, trong nền kinh tế Lào, bên cạnh đồng USD, đồng Bath của Thailand cũng được sử dụng rộng rãi thay thế đồng Kíp của Lào, vì vậy, khi đánh giá mức độ đô la hóa của Lào, chúng ta phải tính cả đồng USD và Bath. Chính vì vậy, có nhà kinh tế đã định nghĩa: Thuật ngữ đô la hóa dùng để chỉ hiện tượng cá nhân nắm giữ và sử dụng các tài sản (asset) và khoản nợ (liabilities) được định giá bằng bất cứ ngoại tệ nào, không chỉ là USD. Quá trình đồng ngoại tệ thâm nhập và thay thế đồng nội tệ trong một nền kinh tế có thể được một quốc gia chính thức chấp nhận (Official dollarization - đô la hóa chính thức) hoặc không chấp nhận nhưng vẫn tồn tại trên thực tế (Unofficial dollarization - đô la hóa không chính thức).

Vậy nguyên nhân nào khiến một quốc gia bị đô la hóa nền kinh tế? Có thể thấy, đô la hóa ban đầu xuất hiện và phát triển chủ yếu từ những nguyên nhân chủ quan của mỗi một nền kinh tế, đó là tăng trưởng kinh tế thấp, lạm

phát cao, tỷ giá không ổn định... Những nguyên nhân này làm cho giá trị đồng nội tệ bị giảm sút liên tục so với các ngoại tệ mạnh. Do đó, để bảo toàn giá trị tài sản của mình, người dân, doanh nghiệp có xu hướng chuyển sang sử dụng các ngoại tệ mạnh có tính ổn định và thanh khoản cao như đồng USD, EUR, GBP... Tuy nhiên, đô la hóa tồn tại lâu dài và khó xóa bỏ khỏi nền kinh tế chủ yếu do những nguyên nhân khách quan. Quá trình toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới đã gắn kết các nền kinh tế của các quốc gia với nhau. Sự gắn kết này dẫn đến sự thâm nhập về tiền tệ giữa các quốc gia với nhau, đồng tiền của quốc gia này được lưu hành ở quốc gia khác và ngược lại. Trong lưu thông tiền tệ, đồng tiền nào có giá trị ổn định hơn sẽ chiếm ưu thế. Hơn thế nữa, toàn cầu hóa thúc đẩy sự thống nhất của nền kinh tế thế giới. Sự thống nhất này tất yếu đặt ra yêu cầu về sự hình thành một đồng tiền thế giới nhằm tăng cường sự liên kết giữa các nền kinh tế đơn lẻ với nhau. Tuy nhiên, khi một đồng tiền thế giới chưa có đủ điều kiện để ra đời, thì trong giai đoạn quá độ, một đồng tiền quốc gia chiếm tỷ trọng kinh tế lớn trong nền kinh tế thế giới, có khả năng chuyển đổi cao có thể đóng vai trò thay thế đồng tiền thế giới. Đồng USD là đồng tiền ở vị trí số một trong việc thực hiện vai trò này.

2. Đô la hóa có tác động gì đến nền kinh tế các nước bị đô la hóa?

Bản thân quá trình đô la hóa cũng đã có một số tác động tích cực nhất định đối với nền kinh tế bị đô la hóa. Những tác động tích cực dễ thấy nhất và cũng thường được những người ủng hộ việc đô la hóa nền kinh tế nêu ra là:

Thứ nhất, đô la hóa giúp cho những người dân và doanh nghiệp hạn chế được sự mất giá của những tài sản do mình cất trữ bằng nội tệ. Từ đó, đô la hóa tạo ra một cái van giảm áp lực đối với nền kinh tế trong những thời kỳ lạm phát cao, bị mất cân đối và các điều kiện kinh tế vĩ mô không ổn định. Việc có một lượng lớn USD trong hệ thống ngân hàng sẽ là một công cụ tự bảo vệ chống lại lạm phát và là phương tiện để mua hàng hoá ở thị trường phi chính thức.

Thứ hai, đô la hóa chính thức sẽ làm giảm thiểu hay hạn chế những biến động bất thường của lãi suất trên thị trường tiền tệ do đã loại bỏ được nguy cơ phá giá tiền tệ. Bên cạnh đó, đô la hóa chính thức cũng sẽ loại trừ những khoản chênh lệch trong định giá lãi suất nội tệ so với ngoại tệ.

Thứ ba, quá trình đô la hóa sẽ thúc đẩy sự phát triển của thị trường tài chính dài hạn vì đã giảm thiểu được nguy cơ phá giá và siêu lạm phát của đồng nội tệ. Với đồng USD ổn định và an toàn hơn sẽ khuyến khích các doanh nghiệp cho vay và đi vay dài hạn do họ có thể dự kiến được các khoản chi phí và lợi tức đạt được trong tương lai.

Thứ tư, làm giảm chi phí giao dịch trong buôn bán và đầu tư quốc tế. Do đồng USD được sử dụng rộng rãi trong buôn bán quốc tế nên doanh nghiệp không phải mất chi phí và thời gian cho việc đổi và tính toán đồng nội tệ từ đồng USD hay ngược lại nữa trong quá trình kinh doanh của mình. Có thể nói, vì vậy, đô la hóa thúc đẩy thương mại quốc tế phát triển.

Thứ năm, khi một nền kinh tế bị đô la hóa hoàn toàn thì ngân hàng trung ương sẽ không còn khả năng phát hành

nhiều tiền và gây ra lạm phát, đồng thời ngân sách nhà nước sẽ không trông chờ vào nguồn phát hành này để trang trải thâm hụt. Do vậy các chương trình ngân sách sẽ mang tính tích cực hơn.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi trên, thì quá trình đô la hóa cũng mang lại những bất lợi sau:

Thứ nhất, đô la hóa làm giảm hiệu quả điều hành của chính sách tiền tệ. Do khó có thể kiểm soát được lượng ngoại tệ lưu hành trong nền kinh tế nên đô la hóa sẽ gây khó khăn trong việc dự đoán diễn biến tổng phương tiện thanh toán, dẫn đến việc đưa ra các quyết định tăng hoặc giảm lượng tiền trong lưu thông kém chính xác và kịp thời. Đô la hóa còn làm cho đồng nội tệ “nhạy cảm” hơn đối với các thay đổi từ bên ngoài, do đó, những cố gắng của chính sách tiền tệ nhằm tác động đến tổng cầu nền kinh tế thông qua việc điều chỉnh lãi suất cho vay trở nên kém hiệu quả. Có thể nói, đô la hóa sẽ làm quốc gia mất khả năng điều hành chính sách tiền tệ một cách độc lập.

Thứ hai, hệ thống ngân hàng bị đô la hóa được coi là nguyên nhân của những cuộc khủng hoảng tài chính. Trong nền kinh tế có tỷ lệ đô la hóa không chính thức cao, rủi ro về khả năng chi trả phát sinh bởi sự khác biệt về đồng tiền huy động là ngoại tệ và đồng tiền cho vay là nội tệ là rất lớn. Bất cứ sự biến động mạnh nào về tỷ giá đều là thảm hoạ cho một hệ thống ngân hàng. Bên cạnh đó, do nắm một lượng lớn ngoại tệ (chủ yếu là USD) nên khi giá trị, lãi suất những đồng tiền này biến động trên thị trường quốc tế sẽ có tác động vào hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng trong nước, thông

thường những tác động này bất lợi nhiều hơn có lợi.

Thứ ba, trong nền kinh tế bị đô la hóa, quốc gia bị suy giảm hoặc đánh mất đặc quyền về tiền tệ của mình. Về cơ bản, đặc quyền tiền tệ là lợi nhuận thu được từ phát hành tiền. Lợi nhuận phát hành tiền (seigniorage) là khoản chênh lệch giữa giá trị của đồng tiền lưu hành với chi phí in ấn và phát hành đồng tiền. Đồng tiền quốc gia là một nguồn thu nhập quan trọng để đảm bảo cho các khoản chi công cộng bên cạnh thuế và các khoản vay của nhà nước. Tuy nhiên, cái giá phải trả cho khoản lợi nhuận này chính là phần giá trị tài sản của người dân bị mất đi do lạm phát từ việc in tiền gây ra. Chính vì in tiền sẽ gây ra lạm phát, nên lợi tức từ việc in tiền còn được gọi là “Thuế lạm phát”. Mặc dù, có điểm bất lợi như vậy nhưng đặc quyền thu thuế in tiền xét trên khía cạnh chính trị vẫn vô cùng quan trọng vì nó là nguồn thu khẩn cấp để đối phó với những diễn biến bất thường. Do đó, lợi tức từ việc in tiền được coi là sự đảm bảo trước những rủi ro. John Maynard Keynes đã viết “Một nhà nước chỉ có thể tồn tại bằng nguồn thu này khi nó không thể tồn tại bằng các nguồn thu khác”. Nói cách khác, lợi tức từ việc in tiền được coi là “nguồn thu nhập cuối cùng” trong trường hợp có khủng hoảng. Không một chính phủ nào lại không muốn duy trì nguồn lợi này.

Tùy từng điều kiện và bối cảnh cụ thể, mà mỗi quốc gia sẽ đánh giá những mặt lợi và mặt hại của đô la hóa khác nhau, từ đó có chính sách về vấn đề đô la hóa khác nhau. Tuy nhiên, có thể nói, chấp nhận đô la hóa thường là những giải pháp cuối cùng khi không còn lựa chọn nào khác, còn chống đô la hóa luôn

là mục tiêu của một chính sách kinh tế phát triển độc lập.

3. Mức độ đô la hóa ở Việt Nam

Là một nước đang phát triển, đang trong quá trình đổi mới kinh tế và hội nhập vào nền kinh tế thế giới, Việt Nam tất yếu không tránh khỏi hiện tượng đô la hóa. Tình trạng đô la hóa bắt đầu xuất hiện từ khi Việt Nam thực hiện cải cách, chuyển đổi nền kinh tế theo hướng thị trường vào cuối những năm 1980, đầu những năm 1990 và tồn tại dai dẳng cho đến ngày nay.

Mức độ đô la hóa của Việt Nam tính theo tỷ lệ tiền gửi ngoại tệ trên tổng phương tiện thanh toán (FCD/M2) khoảng từ 20% đến 25% trong vòng hơn 10 năm trở lại đây, với mức thấp nhất. Theo tiêu chuẩn IMF, Việt Nam là một nền kinh tế có mức độ đô la hóa trung bình^(*). Tuy nhiên so với nhiều nước trong khu vực thì tỷ lệ này vẫn ở các mức cao, ví dụ như Indonesia, Thailand, Malaysia, Trung Quốc... chỉ khoảng 7-10%. Bên cạnh đó, từ năm 2008 trở lại đây, khi Việt Nam chịu tác động mạnh từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, thì mức độ đô la hóa có chiều hướng tăng trở lại.

Tuy nhiên, với một nền kinh tế tiền mặt như Việt Nam hiện nay thì mức độ đô la hóa thực chất còn nghiêm trọng hơn những gì mà chúng ta có thể thấy qua tỷ lệ tiền gửi bằng ngoại tệ trên tổng phương tiện thanh toán. Trong nền kinh tế Việt Nam, việc sử dụng ngoại tệ, chủ yếu là USD, làm đơn vị tính toán, phương tiện thanh toán là rất phổ biến, đặc biệt trong bối cảnh lạm phát hiện

(*) Theo IMF, một quốc gia có tỷ lệ FCD/M2 từ 15% đến 30% thì được coi là quốc gia có tỷ lệ đô la hóa trung bình.

nay. Điều này thể hiện qua lượng ngoại tệ rất lớn đang được lưu hành trong nền kinh tế Việt Nam mà Ngân hàng Nhà nước khó có thể kiểm soát được. Ta có thể ước lượng một phần lượng ngoại tệ này bằng cách tính mức chênh lệch giữa lượng kiều hối hàng năm chuyển về với sự thay đổi lượng ngoại tệ gửi vào hệ thống ngân hàng (xem hình 1). Có thể coi mức chênh lệch này là lượng ngoại tệ không được gửi vào hệ thống mà được cất trữ dưới dạng tiền mặt của dân cư. Mặc dù, một phần ngoại tệ này có thể chảy ngược ra nước ngoài dưới dạng

ngoại tệ ngày càng bén rễ sâu vào ý thức của nhiều người dân Việt Nam. Có thể nói, mức độ đô la hóa thực tế của Việt Nam là tương đối cao. Đô la hóa thực sự gây rất nhiều khó khăn cho Ngân hàng Nhà nước trong điều hành chính sách tiền tệ, đặc biệt đối với mục tiêu kiềm chế lạm phát và ổn định tỷ giá hối đoái trong giai đoạn kinh tế vĩ mô có nhiều bất ổn hiện nay.

II. Thực tiễn đô la hóa tại một số quốc gia trên thế giới và vài học đối với Việt Nam

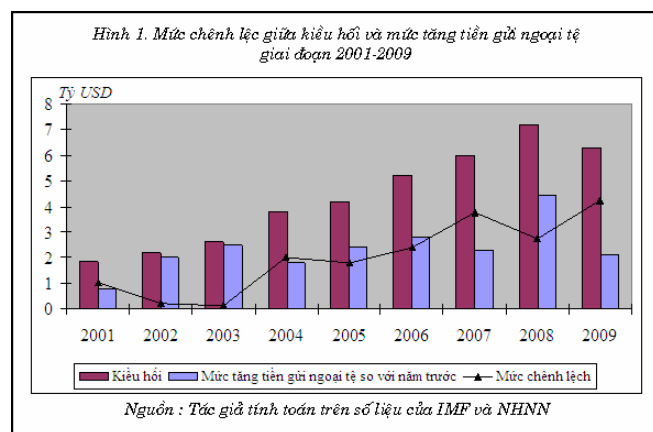
1. Ecuador

Ecuador là một nước đang phát

triển ở khu vực Mỹ Latinh, với quy mô nền kinh tế không nhỏ so với nhiều nước đang phát triển khác. GDP của Ecuador năm 2006 là 40,8 tỷ USD và GDP/người là 2.840 USD (1). Ecuador là một ví dụ điển hình về con đường đô la hóa toàn phần một nền kinh tế. Nền kinh tế Ecuador vốn có lịch sử lâu đời phụ thuộc nhiều vào sản xuất và xuất

khẩu sản phẩm nguyên liệu thô như chuối, ca cao, cà phê, tôm và đặc biệt là dầu lửa. Chính vì phụ thuộc quá lớn vào nguồn thu từ dầu mỏ nên sự biến động của giá dầu mỏ trên thị trường quốc tế có tác động rất lớn đến nền kinh tế Ecuador. Đầu thập kỷ 80, giá dầu thô giảm đột ngột đã khiến nền kinh tế Ecuador bắt đầu suy thoái và kinh tế rơi vào khủng hoảng với tỷ lệ lạm phát cao, nợ chính phủ gia tăng, các ngành sản xuất suy giảm khả năng cạnh tranh.

Để thúc đẩy kinh tế phát triển, trong giai đoạn này, Chính phủ Ecuador thực thi chính sách phá giá tiền tệ nhằm làm “mất giá” các khoản nợ trong



buôn lậu, chi phí du học, du lịch, v.v... nhưng có thể khẳng định hàng năm vẫn còn một lượng ngoại tệ rất lớn dưới dạng tiền mặt được đổ vào nền kinh tế Việt Nam, nếu tính tích lũy theo thời gian thì con số này là vô cùng lớn.

Được tiếp sức bởi lượng ngoại tệ lớn, các giao dịch kinh tế bằng ngoại tệ là rất phổ biến ở Việt Nam, đặc biệt là những giao dịch có giá trị lớn, liên quan đến bất động sản, ô tô,... Cho dù hoạt động thanh toán thực tế có thể bằng VND nhưng việc tính toán bằng ngoại tệ cũng gây sức ép rất lớn lên việc duy trì ổn định cho VNĐ. Điều này đã tạo điều kiện cho tâm lý ưa thích sử dụng

nước cũng như giảm giá thành hàng hóa xuất khẩu. Trong giai đoạn 1997-1998, nền kinh tế phụ thuộc vào nông nghiệp của Ecuador còn chịu sự tác động mạnh của hiện tượng El Nino. Khi cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ châu Á bắt đầu tác động đến nền kinh tế các nước Mỹ Latinh trong đó có Ecuador thì có thể nói nền kinh tế Ecuador chạm tới đáy khủng hoảng: siêu lạm phát, mất khả năng trả nợ nước ngoài, toàn bộ hệ thống ngân hàng sụp đổ do người dân chuyển hết tài khoản của họ sang các đồng tiền khác ổn định hơn.

Trong khi đó, tình trạng “bán đô la hóa” đã diễn ra từ lâu tại Ecuador càng làm Chính phủ của Tổng thống Jorge Jamil Mahuad (đắc cử năm 1998) hướng tới kế hoạch thay thế đồng nội tệ Sucre bằng đồng USD. Mặc dù bị người dân phản ứng quyết liệt và dẫn đến sự từ chức của Tổng thống Mahuad nhưng kế hoạch đô la hóa nền kinh tế Ecuador vẫn được thực hiện. Từ mùa xuân năm 2000, Chính phủ Ecuador bắt đầu đổi đồng Sucre lấy USD tại mức tỷ giá là 25.000 Sucre/1 USD. Tại mức tỷ giá này, Chính phủ Ecuador chỉ đúc các đồng xu có giá trị tương đương 1/100, 1/20, 1/10, 1/4 và 1/2 đồng đô la. Vào cuối năm 2000, đồng Sucre hoàn toàn biến mất khỏi lưu thông (4, p.10).

Sau khi đô la hóa nền kinh tế, Ecuador thoát khỏi khủng hoảng và đã đạt được những kết quả khả quan trong tăng trưởng kinh tế. Để đổi lại, Ecuador không còn tự mình quyết định các vấn đề về tiền tệ. Lợi thế cạnh tranh quốc tế của Ecuador cũng bị suy giảm so với các quốc gia khác do không thể sử dụng chính sách tỷ giá. Cuối cùng và có lẽ cũng là quan trọng nhất, đô la hóa không giải quyết được những vấn đề cốt

yếu của nền kinh tế Ecuador đó là, cơ sở hạ tầng tồi tàn, gánh nặng nợ nần trong nước cũng như quốc tế do chi tiêu bừa bãi, chính trị bất ổn và tham nhũng trầm trọng.

2. El Salvador

Mặc dù El Salvador chỉ là một nước có nền kinh tế tương đối nhỏ ở Mỹ Latinh, nhưng quá trình đô la hóa ở nước này cho thấy một khía cạnh mới của quá trình đô la hóa các nền kinh tế nhỏ trên thế giới.

Sau nhiều thập kỷ nội chiến, từ năm 1992, nền kinh tế El Salvador đi vào phục hồi và phát triển tương đối ổn định. Nhưng vào tháng 11/2000, Nghị viện El Salvador thông qua luật thực hiện đô la hoá toàn phần trong cả nước mặc dù không đạt được thỏa thuận nào với Mỹ. Có thể nói, quyết định này không hề xuất phát từ nguyên nhân khủng hoảng kinh tế trầm trọng như trường hợp của Ecuador. Trong suốt thập kỷ 90, lạm phát ở El Salvador tương đối thấp, năm 2000 chỉ khoảng 2,3%. Nguyên nhân chính ở đây là El Salvador muốn sử dụng đô la hóa như một giải pháp kinh tế nhằm gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế Mỹ chặt chẽ hơn nữa.

Kể từ năm 1993, El Salvador đã thực thi chính sách tỷ giá cố định với đồng USD nhằm hạn chế rủi ro và duy trì ổn định nền kinh tế. Song, lãi suất ở El Salvador vẫn rất cao do người dân vẫn chưa hoàn toàn tin tưởng vào đồng Colon, lãi suất năm 2000 vẫn là 14%, giảm không nhiều so với mức 19% năm 1993. Bên cạnh đó, nguồn kiều hối chuyển về El Salvador tăng rất nhanh, khoảng 155% từ năm 1992 đến năm 2000. Năm 2000, khoảng 1,74 tỷ USD

đã được chuyển về El Salvador và chiếm đến 13% GDP của nước này. Do đó, đồng USD được sử dụng rất rộng rãi trong nền kinh tế El Salvador, Ngân hàng Trung ương El Salvador ước tính gần 70% số tiền đang được sử dụng tại thời điểm đô la hóa là đồng USD.

Ngay sau khi tuyên bố đô la hóa, do phải đối mặt với một loạt khó khăn như 2 cuộc động đất, giá cà phê giảm, giá dầu tăng, nền kinh tế Mỹ suy thoái nên tốc độ tăng trưởng và đầu tư nước ngoài của El Salvador không tăng mà thậm chí còn giảm. Trong khi tốc độ tăng trưởng giảm sút, thì tình hình lãi suất, lạm phát và ngoại hối gửi về lại được cải thiện. Lãi suất đã giảm xuống còn 6,3%/năm so với mức 11%/năm trong năm 2001. Lạm phát trung bình 3% so với 7,8% trước năm 2000. Kiều hối gửi về nước đã đạt 2,55 tỷ USD năm 2004 (3, p.61).

3. Trung Quốc

Trong vòng một phần tư thế kỷ qua, Trung Quốc đã vươn lên trở thành một cường quốc về kinh tế. Mặc dù, nền kinh tế Trung Quốc từng bước được mở cửa và hội nhập vào nền kinh tế thế giới, nhưng với những biện pháp quản lý ngoại hối hiệu quả, hiện tượng đô la hóa trong nền kinh tế của Trung Quốc là rất thấp. Trong vòng hơn 10 năm gần đây, mức độ đô la hóa tính theo tỷ lệ tiền gửi ngoại tệ của Trung Quốc năm cao nhất (năm 2000) là 9% và xu hướng còn tiếp tục giảm trong những năm gần đây.

Chính sách quản lý các luồng vốn chặt chẽ, hiệu quả, tự do hóa theo lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần giúp Trung Quốc duy trì được “hai thặng dư” (twin surpluses): thặng dư tài khoản vãng lai và tài khoản vốn. Với cả

hai nguồn thặng dư này, Trung Quốc trở thành quốc gia có dự trữ ngoại hối lớn nhất trên thế giới, tính đến tháng 6/2010, dự trữ ngoại hối của Trung Quốc lên đến gần 2.500 tỷ USD (9). Tuy nhiên, do đồng USD chiếm một tỷ lệ lớn trong cơ cấu dự trữ ngoại hối của Trung Quốc và do đồng Nhân dân tệ gắn chặt với đồng USD nên Trung Quốc hiện đang rơi vào tình trạng, được nhà kinh tế học đoạt giải Nobel năm 2009 – Paul Krugman gọi là “cái bẫy của đồng đô la”. Nếu Trung Quốc bán tài sản bằng đồng USD, như trái phiếu kho bạc Mỹ (T-bill) để hạn chế thiệt hại do đồng USD mất giá thì chỉ làm cho đồng USD mất giá thêm và làm cho khối tài sản này bị thu hẹp, đồng thời lợi thế về giá của hàng xuất khẩu Trung Quốc sẽ biến mất do tỷ giá USD/Nhân dân tệ chuyển theo hướng có lợi cho hàng hóa của Mỹ. Ngược lại, để giúp giữ ổn định giá trị của đồng USD, Trung Quốc phải liên tục mua vào trái phiếu Chính phủ Mỹ dù muốn hay không. Có thể nói, Trung Quốc đã rất thành công trong quản lý ngoại hối, do đó tình trạng đô la hóa nền kinh tế được duy trì ở tỷ lệ thấp nhưng xét trên góc độ Chính phủ, mức độ “đô la hóa” (cụ thể là đồng USD) của Trung Quốc là rất lớn, có ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách tiền tệ của Trung Quốc.

4. Bài học đối với Việt Nam trong giải quyết vấn đề đô la hóa

Trong bối cảnh Việt Nam tích cực hội nhập vào nền kinh tế thế giới, giải quyết được tốt vấn đề đô la hóa là tiền đề quan trọng cho sự phát triển ổn định và bền vững của nền kinh tế Việt Nam. Quan điểm của Việt Nam đối với giải quyết vấn đề đô la hóa là rất nhất quán, đó là đô la hóa không có lợi cho sự phát

triển kinh tế của Việt Nam, do vậy, phải hạn chế và xóa bỏ hiện tượng này khỏi nền kinh tế. Xuất phát từ nghiên cứu kinh nghiệm 3 nước Ecuador, El Salvador và Trung Quốc, Việt Nam cần có những lưu ý sau trong quá trình hạn chế đô la hóa:

Thứ nhất, mặc dù xuất phát điểm đưa ra quyết định khác nhau nhưng cả hai nước Ecuador và El Salvador đều có chung thực trạng là người dân hai nước đều sử dụng phổ biến đồng USD trong nền kinh tế từ rất lâu trước khi hai nước có quyết định đô la hóa. Việc sử dụng phổ biến đồng USD đã làm cho người dân quen với việc sử dụng ngoại tệ và làm cho đồng USD bén rễ sâu vào nền kinh tế hai nước. Đây chính là tiền đề quan trọng để hai nước có thể thực hiện được quá trình đô la hóa nền kinh tế. Do đó, chống đô la hóa, Việt Nam trước hết phải hạn chế, tiến tới xóa bỏ việc sử dụng ngoại tệ niêm yết, trao đổi mua bán hàng hóa, không để cho việc sử dụng ngoại tệ dưới góc độ là phương tiện trao đổi, phương tiện tính toán ăn sâu vào nền kinh tế Việt Nam.

Thứ hai, các quyết định về đô la hóa hiện nay không chỉ xuất phát từ tình hình kinh tế phát triển không ổn định hay khủng hoảng, mà cũng có thể được đưa ra khi tình hình kinh tế phát triển bình thường. Điều này cho thấy, ổn định nền kinh tế là một yêu cầu quan trọng trong phát triển kinh tế, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ hiện nay. Để có được điều này, nhiều nước sẵn sàng chấp nhận từ bỏ chính sách tiền tệ độc lập của mình. Do đó, ổn định kinh tế vĩ mô là tiền đề quan trọng của việc hạn chế đô la hóa. Bên cạnh đó, hiệu quả của chính sách tiền tệ cần được nâng cao và ổn định, có khả năng

ứng phó hiệu quả với các tác động xấu của quá trình toàn cầu hóa. Điều này sẽ giúp các quốc gia không bị phụ thuộc vào bên ngoài.

Thứ ba, giải quyết vấn đề đô la hóa không nên quá cực đoan, bởi vì trong giai đoạn hiện nay việc mở cửa kinh tế, trong đó có việc mở cửa lĩnh vực tài chính - tiền tệ là một yêu cầu thiết yếu đối với phát triển kinh tế. Điều này đồng nghĩa với việc thúc đẩy hơn nữa quá trình đô la hóa. Vì vậy, việc giải quyết vấn đề đô la hóa không phải là công việc ngày một ngày hai mà là cả một quá trình lâu dài. Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta có thể chấp nhận hiện tượng đô la hóa dưới dạng cất trữ tài sản, tuy nhiên, phải có biện pháp thích hợp để sử dụng có hiệu quả nguồn ngoại tệ này vào phát triển kinh tế qua đó ổn định giá trị và nâng cao vị thế của VNĐ. Trong khi đó và từ đó từng bước xóa bỏ hiện tượng đô la hóa.

Thứ tư, đô la hóa không đồng nghĩa với tăng trưởng kinh tế. Đô la hóa trong chừng mực nào đó giúp các quốc gia đô la hóa ổn định được tình hình kinh tế, giảm lạm phát và lãi suất theo hướng cận biên với tỷ lệ lạm phát và lãi suất của Mỹ, những chỉ số này thường thấp ở Mỹ, do Mỹ là một nền kinh tế phát triển. Tuy nhiên, việc một quốc gia đô la hóa có tăng trưởng nhanh hay không lại phụ thuộc hoàn toàn vào chính sách phát triển kinh tế và thu hút đầu tư của nước đó. Ở một mức độ nào đó, việc đô la hóa còn làm cho quốc gia khó khăn hơn trong các chính sách thúc đẩy xuất khẩu do không thể sử dụng biện pháp phá giá tiền tệ, từ đó còn có thể hạn chế sự phát triển kinh tế.

Thứ năm, đô la hóa không phải chỉ là vấn đề của người dân và doanh

nghiệp. Chính phủ khi điều hành chính sách tỷ giá, quản lý ngoại hối và quản lý dự trữ ngoại hối cũng phải tính toán được tỷ lệ phù hợp các tài sản bằng ngoại tệ trong khoản mục dự trữ ngoại hối của mình. Điều này sẽ tạo ra sự linh hoạt trong việc điều chỉnh chính sách tiền tệ, tỷ giá, v.v...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo thường niên của ngân hàng nhà nước từ các năm 1998 đến 2009.
2. www.worldbank.org
3. M. Q. Agnoli, E. Whisler. Official Dollarization and the Banking System in Ecuador and Salvador. *FED of Atlanta Economic Review*, Third Quarter, pp. 55-71, 2006.
4. Paul Beckerman. Dollarization and Semi-Dollarization in Ecuador. *World Bank Policy Research Working Paper No. 26-43*, 2001.
5. D. S. Bloch, W. R. Jr. Nelson. Dollarization in El Salvador: The Costs of Economic Stability. *Latin America Law & Business*. Vol 11 No.4, page 1-3, 2003.
6. Stanley Fischer. Seigniorage and the case for a National Money. *The Journal of Political Economy*, Vol 90, No. 2, pp. 295-313, 1982.
7. M. Goujon. Fighting inflation in a dollarized economy: The case of Vietnam. *Journal of Comparative Economics*, Vol. 34, 2006.
8. Yu, Yongding. Managing Capital Flows: The Case of The People's Republic of China. ADB Institute Discussion Paper No.96, 2008.
9. China's foreign exchange reserves, 1977-2010. <http://www.chinability.com/Reserves.htm>, ngày 25/03/2011.